

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 9- 2025
Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Quốc Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Học và ông Hoàng Văn Dự.

- Thư ký phiên tòa: Bà La Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cao tham gia phiên tòa:
Ông Thẩm Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 20/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thu H, sinh năm 1998; Nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố A, xã T, tỉnh Cao Bằng. chỗ ở hiện nay: xóm T, xã H, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Bị đơn: Anh Vi Văn C, sinh năm 1988; Nơi đăng ký thường trú: xóm T, xã H, tỉnh Cao Bằng. Hiện nay đang bị giam tại Trại giam Công an tỉnh C. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 17/8/2025 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thu H trình bày: Chị và anh Vi Văn C kết hôn năm 2020 và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 31/7/2020 tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng (Nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Cao Bằng). Được hai bên gia đình đồng ý và tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng do hiếm muộn nên chưa thể có con chung. Đến ngày 29/6/2024 chồng chị tàng trữ và vận chuyển trái phép chất ma túy bị bắt, Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng đã tuyên phạt chồng chị mức hình phạt là Tử hình, hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh C. Với mức án

chồng chị phải chấp hành, chị xác định chị còn trẻ, cần tiếp tục sống và xây dựng cuộc sống mới để có con cái sau này nương tựa lúc tuổi già. Hai vợ chồng cũng đã nói chuyện, bàn bạc về việc ly hôn. Chị mong Tòa giải quyết cho ly hôn với anh Vi Văn C. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai có xác nhận của Trại giam, bị đơn Vi Văn C xác nhận các vấn đề về tình cảm, con chung, nợ chung như chị H trình bày là đúng. Giữa hai vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Về nguyên nhân xin ly hôn là do bản thân anh C bị tuyên án tử hình. Nay chị H làm đơn yêu cầu ly hôn anh C nhất trí ly hôn. Đồng thời, anh C có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn với chị H.

Tại phiên tòa:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa thông qua tóm tắt nội dung vụ án, lời khai, đơn xin xét xử vắng mặt của các bên đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 28, Điều 35, 39, 147, 227, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 ; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên chấm dứt quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thu H và anh Vi Văn C.
- Về con chung: Không có;
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có;
- Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thẩm quyền*: Bị đơn Vi Văn C có hộ khẩu thường trú và trước khi bị bắt tạm giam thì cư trú tại: xóm T, xã H, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng.

[2]. *Về tố tụng*: Bị đơn Vi Văn C hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam K có mặt tại Tòa, anh C, chị H đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Xét thấy đã có lời khai trong hồ sơ và việc vắng mặt của đương sự không ảnh hưởng

đến việc giải quyết vụ án, căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. *Về quan hệ tranh chấp*: Chị Hoàng Thu H yêu cầu ly hôn anh Vi Văn C, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đây là quan hệ ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Hoàng Thu H và anh Vi Văn C tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và tiến hành đăng ký kết hôn ngày 31/7/2020 tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng (Nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Cao Bằng). Việc đăng ký là hoàn toàn tự nguyện, đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Như vậy, việc kết hôn giữa chị H và anh C là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận từ ngày đi đăng ký kết hôn.

Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng do hiếm muộn nên chưa thể có con chung. Đến ngày 29/6/2024 anh C tàng trữ và vận chuyển trái phép chất ma túy bị bắt, Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng đã tuyên phạt anh C mức hình phạt là Tử hình, hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh C. Chị H xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì nhưng chị xác định chị còn trẻ, cần tiếp tục sống và xây dựng cuộc sống mới để có con cái sau này nương tựa lúc tuổi già. Tại Bản tự khai thì anh C cũng nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị H. Từ những phân tích, nhận định trên đây, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị H, ý kiến của anh C và ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[5]. *Về con chung*: Giữa chị H và anh C chưa có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. *Về án phí*: Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Hoàng Thu H được ly hôn với anh Vi Văn C.

2. *Về con chung*: Các đương sự xác nhận không có con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Hoàng Thu H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước. Chị H đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0000087 ngày 26/8/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Cao Bằng, nay được trừ vào tiền án phí chị H phải nộp. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị H, anh C có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND khu vực 3 – Cao Bằng;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Cao Bằng;
- UBND xã H;
- Lưu HS vụ án; Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nông Quốc Hùng